

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 5 - 2023

“Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

2. Ông Kiên Ngọc Trương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyên, Thư ký - Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc, “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng Nh, sinh năm 1997 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp A khóm A, phường B, tỉnh TV.

Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, khóm A, phường B, thành phố TV, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Nh trình bày: Năm 2020 chị và anh Hà Văn T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B thành phố TV, tỉnh TV. Quá trình chung sống không có con chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh Hà Văn T không chăm lo cuộc sống gia đình, còn cờ bạc gây ra nợ nần (chơi game bắn cá) đến năm 2021 chị và anh Hà Văn T đã ly thân cho đến

nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hà Văn T.

- *Về con chung*: Không có

- *Tài sản chung và nợ chung*: Chị Nh khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 13/02/2023: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như chị Lê Thị Hồng Nh trình bày nhưng anh Hà Văn T không đồng ý ly hôn với chị Nh, vì anh còn thương chị Nh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách đương sự tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, hòa giải, công khai chứng cứ, đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng Nh. Cho chị Lê Thị Hồng Nh được ly hôn với anh Hà Văn T, về án phí hôn nhân chị Nh phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật Tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật của vụ án và thẩm quyền giải quyết*: Chị Lê Thị Hồng Nh yêu cầu được ly hôn với anh Hà Văn T nên quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Hà Văn T là bị đơn có nơi cư trú tại khóm A, phường B, thành phố TV, tỉnh TV nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh*: Trong vụ án này, Tòa án có xác minh thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:*

+ Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Bị đơn: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, số 169 Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh cho bị đơn anh Hà Văn T nhưng anh Hà Văn T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:* Chị Lê Thị Hồng Nh và anh Hà Văn T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B (Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2020 ngày 28/5/2020), thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống chị Lê Thị Hồng Nh và anh Hà Văn T sống chung hạnh phúc được một thời gian nhưng hai người không có con chung. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, giữa chị Nh và anh T cũng cố gắng tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả nên chị Lê Thị Hồng Nh và anh Hà Văn T sống ly thân nhau, trong suốt thời gian ly thân hai người bỏ mặt nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương như trước, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Hồng Nh yêu cầu được ly hôn với anh Hà Văn T.

- *Xét ý kiến bị đơn anh Hà Văn T:* Anh Hà Văn T cho rằng còn thương chị Lê Thị Hồng Nh nên không đồng ý ly hôn nhưng anh T không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, thể hiện qua việc Tòa án mời anh T cũng không đến Tòa án để Thẩm phán hòa giải quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Nh. Từ đó, cho thấy anh Hà Văn T không có thiện chí đoàn tụ với chị Nh. Phía chị Nh cho rằng anh T không chăm lo cuộc sống gia đình nên chị Nh không còn tình cảm với anh T và chị Nh kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng anh Hà Văn T không làm được điều đó, mà chính bản thân anh T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chơi game bắn cá.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng Nh cho chị Nh được ly hôn với anh T là có căn cứ.

- *Về con chung*: Chị Lê Thị Hồng Nh và anh Hà Văn T xác nhận không có con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Lê Thị Hồng Nh và anh Hà Văn T xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh*: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Chị Lê Thị Hồng Nh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 21; Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng Nh.

- *Về hôn nhân*: Cho chị Lê Thị Hồng Nh được ly hôn với anh Hà Văn T.

- *Về con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị Hồng Nh phải có nghĩa vụ chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0011901 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (chuyển thành án phí).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- **UBND phường 2;**
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Gấm